

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 923/2017/DS-ST

Ngày: 14/9/2017

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thanh Dung

2/ Ông Lê Phú Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Tuấn-Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1112/2016/TLST-DS ngày 14/11/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-DS ngày 07/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST-DS ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T

Trụ sở: Phường X, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy K - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc K (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 958/2016/UQ-TTT ngày 13/10/2016)

2. Bị đơn: Ông Lê Phạm Đình Q, sinh năm: 1973 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2016 và những lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T, có ông Lê Ngọc K đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 13/6/2011, căn cứ vào thu nhập của ông Lê Phạm Đình Q, Ngân hàng thương mại cổ phần T (nay viết tắt Ngân hàng T) cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Phạm Đình Q (ông Q) với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng để tiêu dùng cá nhân theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/6/2011 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 148.928.974 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền 148.480.618 đồng, bao gồm thứ tự thanh toán các khoản theo Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau: Phí trễ hạn: 1.780.144 đồng; Phí vượt hạn mức: 150.000 đồng; Phí thường niên và phí rút tiền mặt: 2.511.000 đồng; Lãi trong hạn: 14.520.340 đồng; Phí giao dịch: 129.519.134 đồng. Ông Q còn nợ ngân hàng T tiền nợ gốc là 19.409.840 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T, nên từ ngày 26/12/2014, Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu:

1/ Ông Lê Phạm Đình Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2017 là 40.150.644 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.409.840 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.740.804 đồng.

2/ Yêu cầu ông Lê Phạm Đình Q tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ ngày 15/9/2017 đến khi trả hết số nợ trên theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/6/2011.

Thời hạn thanh toán: Yêu cầu trả một lần ngay khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Phạm Đình Q vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Phú Nhuận:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự

chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T và ông Lê Phạm Đình Q là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Phạm Đình Q có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Lê Phạm Đình Q không đến Tòa trong các lần được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/6/2011 và Tóm tắt sao kê của Ngân hàng thương mại cổ phần T thể hiện Ngân hàng T cấp thẻ tín dụng cho ông Q với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/tháng.

Căn cứ các Điều 2, Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi hàng tháng và các khoản khác theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng từ khi vay tiền cho đến nay ông Q chỉ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 148.480.618 đồng. Vì ông Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số dư nợ nên ngày 26/12/2014, Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ

còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Xét ông Lê Phạm Đình Q đã không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng và lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Xét thấy, việc thỏa thuận mức lãi suất này là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã nhiều lần triệu tập ông Q đến để lấy lời khai của ông về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng ông vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với ông Lê Phạm Đình Q : yêu cầu ông Q trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2017 là 40.150.644 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.409.840 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.740.804 đồng, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 40.150.644 \text{ đồng} = 2.007.532 \text{ đồng}$.

Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Lê Phạm Đình Q phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/9/2017 là 40.150.644 (bốn mươi triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 19.409.840 đồng, tiền lãi quá hạn là 20.740.804 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thi hành: Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Ông Lê Phạm Đình Q phải chịu án phí sơ thẩm là 2.007.532 (Hai triệu không trăm lẻ bảy ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 827.000 (Tám trăm hai mươi bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0008852 ngày 08/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.PN;
- CCTHADS Q.PN;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Hương Giang